TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
*Số:16/*2017/QĐST - HNGĐ	***Yên Mô,*** *ngày 20 tháng 3 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 17/2017/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1993.

HKTT: Xóm 6, xã Mai S, huyện Yên M, Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: Nhà ông Lương Ngọc Q (là bố đẻ) ở thôn Bộ Đ, xã Ninh A, huyện Hoa L, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Mai S, huyện Yên M, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lương Thị L và anh Vũ Văn D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Đức D1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2013. Vợ chồng tự thỏa thuận khi ly hôn giao cháu D1 cho anh D trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D1 cùng với anh D mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) kể từ tháng 3 năm 2017 cho đến khi cháu D1 trưởng thành. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

Trường hợp người có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì người đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của Điều 357 Bộ luật dân sự

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị L và anh D thỏa thuận chị L nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001822 ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị L là người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ nên chị L phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện Yên Mô (3);
- THADS huyện Yên Mô (1);
- UBND xã Mai Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1); Lưu VP (1).

Đã Ký
Phạm Bằng Linh